| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 511/2024/DS-PT
Ngày: 05-9-2024
V/v tranh chấp quyền tưới, tiêu qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Tấn Lợi;

Ông Nguyễn Chí Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15/7, 29/8 và 05/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp quyền tưới, tiêu qua bất động sản liền kề".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 374/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1947; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Vắng mặt)*

3.2. Ông Tô Thanh S, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt ngày 15/7, 29/8; vắng mặt ngày 05/9)*

3.3. Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn B, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Chủ tịch; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T - Là nguyên đơn.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2023, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T, trình bày:* Bà là vợ ông Tô Thanh S, phần đất ruộng của vợ chồng có diện tích 12.000m$^2$ bà không nhớ thuộc thửa đất, tờ bản đồ số mấy, đất tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nay thuộc xã T do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không rõ thời gian, chỉ nhớ rất nhiều năm bà và một số hộ dân làm lúa liền kề gồm đất của ông Q, anh Đ đều sử dụng đường nước tưới tiêu, thoát úng, thuộc hệ thống đất tưới tiêu do Nhà nước quản lý, đường nước này đi ngang qua đất của bà T1 và thoát ra kênh S, đường nước có chiều ngang 04m, chiều dài 34m theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 17/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H có diện tích 68,8m$^2$ trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 tương ứng đất thủy lợi, tờ bản đồ số 31. Ngày 18/12/2020 bà Nguyễn Thị T1 thuê máy ủi san lấp đường nước bà đang sử dụng vào mục đích tưới tiêu, thoát úng (là phần đất hiện đang tranh chấp), khi bà T1 lấp đường nước thì bà có báo Chính quyền địa phương xã T, huyện H, cán bộ xã có xuống phần đất tranh chấp để đo đạc hiện trạng đường nước và có lập biên bản, bà không biết là bà T1 có bị chính quyền địa phương xử phạt hành chính không, bà tiếp tục khiếu nại, yêu cầu bà T1 khôi phục đường nước nhưng không thành nên kiện ra Tòa. Việc bà T1 lấp đường nước gây khó khăn cho bà sản xuất lúa, như bà phải đặt ống nước xa, tốn kém chi phí, do đất

ruộng của bà trên gò, cao hơn so với các phần đất khác nên việc sử dụng đường nước của hợp tác xã không hiệu quả, như nước bơm vào sẽ tràn ra ngoài nên bà không sử dụng dịch vụ đường nước của Hợp tác xã T4 để canh tác lúa. Khi tiêu nước từ ruộng của bà ra thì bà T1, chị P vẫn cho xả (thoát) nước qua ruộng của bà T1, hiện tại bà T1 đồng ý cho bà tiêu (thoát) nước nhưng sau này nếu bà T1 bán đất cho người khác, họ không cho bà thoát nước thì bà phải làm sao. Tòa án giải thích cho bà biết là đất tranh chấp là do Ủy ban nhân dân xã T 2 quản lý và việc canh tác lúa như tưới tiêu nước có hợp tác xã Thường Phước 2 phục vụ nhưng bà không đồng ý sử dụng đường nước của Hợp tác xã, lý do bà không sử dụng dịch vụ bơm nước của hợp tác xã không phải sợ tốn tiền, do nước chạy vô ruộng là khô liền, không hiệu quả trong việc sản xuất lúa, hợp tác xã không bơm nước liên tục.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 mở (khôi phục) lại đường nước có chiều ngang 04m, chiều dài 34m theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 17/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H có chiều ngang một cạnh 02m và một cạnh 1,85m, chiều dài một cạnh 36m và một cạnh 36,1m = 68,8m$^2$ trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 tương ứng đất thủy lợi, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã T, huyện H để bà thuận tiện trong việc sản xuất lúa. Cho dù bà T1 thống nhất mở đường nước thì bà cũng không hỗ trợ tiền để bà T1 khôi phục đường nước, cũng không trả giá trị đất, vì đất là của Nhà nước. Những phần đất giáp với đất của bà và bà T1 gồm đất ruộng của bà T3, ông Đ thì họ sử dụng đường nước của hợp tác xã S2 và vẫn được thoát nước qua đất của bà T1 bình thường. Ngoài ra, không trình bay hay yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, trình bày*: Bà là vợ ông Nguyễn Văn B1, nguồn gốc đất của bà là được Nhà nước cấp do bà "dọn", không nhớ vào năm nào, cách nay khoảng trên 40 năm, có diện tích khoảng 4 -5 công đất, không rõ số thửa đất, tờ bản đồ, tọa lạc xã T 2 do chồng bà đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2001. Khi gia đình bà sử dụng đất thì trên đất không có đường nước, chỉ là cái bào đìa lạn (cạn), nghe xuồng không vô ra được, có nước chạy vô ra để canh tác ruộng, xung quanh không ai sử dụng cái bào đìa của bà, không rõ diện tích bào đìa ngang dài bao nhiêu. Trước khi bà lấp cái bào đìa lại thì ông S có sử dụng để bơm nước tưới tiêu ruộng, do ông S có từng hỏi chồng bà, khi ông S hỏi gia đình bà đặt máy bơm nước thì không có ai chứng kiến, không có

làm giấy tờ, hai bên thỏa thuận khi nào gia đình bà lấp cái bào đìa (đường nước) thì ông S lấy máy lên nhưng do nhiều lần yêu cầu ông S lấy máy lên thì ông S không đồng ý. Do gia đình bà T sử dụng đường nước trên đất của bà mấy chục năm mà không biết điều, không có tình nghĩa, chồng bà chết không đốt một cây (nén) nhang, không biết ơn nên bà lấp đường nước lại. Đất tranh chấp là của bà, phần đất của bà từ trước đến nay không có đường nước, do ông S năn nỉ cho đặt ống đường nước, đặt máy chạy nước vô ruộng và hứa khi nào bà ủi (san lấp) đất thì ông S lấy máy lên, bà năn nỉ, kêu ông S rất nhiều lần nhưng không chịu lấy máy lên và còn đi thưa kiện yêu cầu bà phải xẻ, cắt miếng đất ra làm hai nên bà không đồng ý yêu cầu của bà T, ông S, cũng không đồng ý cho ông S đặt ống nước chạy qua đất bà hay ở trên đường bờ ruộng. Hiện nay bà vẫn cho các hộ canh tác đất lân cận khai (xả, thoát) nước vào ruộng của bà bình thường trong đó có ông S, bà T. Tòa án có giải thích cho bà biết rõ là đất tranh chấp thuộc đất thủy lợi nhưng bà không đồng ý, đất là của bà. Ngoài ra, bà không trình bày gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh S, trình bày*: Ông là chồng của bà T, có nghe lời trình bày của bà T, ông thống nhất những gì bà T trình bày. Ông chưa từng năn nỉ chồng bà T1 hay bà T1 cho ông đặt máy bơm nước tại đất ruộng của bà T1, khi nào bà Thương yêu c di dời thì ông di dời, đường nước trước đây là của chủ đất cũ, có từ hồi xưa tới giờ do Nhà nước quản lý, bà T1 tự ý san lấp, ông có báo Chính quyền địa phương nhưng không được xử lý. Ông sản xuất, canh tác đất từ năm 2000 đến năm 2020 thì bà T1 lấp đường nước lại nhưng đất của gia đình ông vẫn canh tác lúa bình thường nhưng khó khăn, tốn kém. Đất của ông không sử dụng đường nước của Hợp tác xã, hiện nay ông đặt ống nước qua nhiều phần đất khác để bơm nước vào ruộng nhưng phải đặt ống nước qua nhiều chủ đất và ống nước thường bị bể. Ông không có chứng cứ chứng minh việc sử dụng đường nước của Hợp tác xã không hiệu quả, vì thực tế đất của ông cao hơn so với các phần đất khác. Ông thống nhất theo yêu cầu của bà T. Ngoài ra, ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P, trình bày*: Chị là con ruột bà T1. Phần đất của bà T1 hiện do chị canh tác dùm bà T1, chứ bà T1 không có tặng, cho hay chị thuê đất làm gì hết. Trước đây, trên đất bà T1 có 01 đường nước nhưng vào năm trước bà T1 đã lấp đường nước lại, do

đường nước cắt ngang đất của bà T1 máy suốt lúa không qua được nhưng do ông S không cho máy suốt lúa đi nhờ đất nên bà T1 mới lấp đường nước. Lúc lấp đường nước thì có mặt vợ chồng bà T, ông S, địa chính xã T 2 không ai lập biên bản hay xử phạt gì việc bà T1 lấp đường nước. Trước đây, giữa bà T1 và vợ chồng bà T thỏa thuận với nhau bà T1 cho vợ chồng bà T đặt máy bơm nước tại đường nước trên đất bà T1, khi nào bà T1 lấp đường nước thì vợ chồng bà T phải lấy máy bơm nước lên, tuy nhiên việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không làm giấy tờ, ông Bảy S1 chỉ cho gia đình chị xả nước vào ruộng của chị một thời gian thì không cho xả nước nữa và không có đường đi cho máy suốt lúa nên mẹ chị mới lấp đường nước. Nay chị và bà T1 không chấp nhận yêu cầu của bà T, về việc mở đường nước và cũng không chấp nhận giá trị đất, vì lý do đất của bà T1 thấp, đất xung quanh như ông Q, anh Đ, ông G trên gò cao nên khi tiêu nước chị vẫn cho thoát nước qua đất chị nhưng phải đánh đường nước trên đất chị và mọi người cũng đồng ý. Việc mẹ chị lấp đường nước thì bà T không có thiệt hại gì hết. Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T do ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền, trình bày*: Tại Công văn số 867/UBND-HC ngày 22/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung:

"1. Thửa 1 diện tích 68,8m$^2$ tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất xã T, theo bản đồ địa chính là đất thủy lợi, hình thành năm 1975, không được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về quản lý và khai thác quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phần đất thủy lợi nêu trên do Ủy ban nhân dân xã Q1 sử dụng cho việc tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

3. Phần đất bà Nguyễn Thị Hồng T không sử dụng dịch vụ tưới tiêu Hợp tác xã cung cấp nước, hộ dân tự bơm nước tưới tiêu cho việc sản xuất nông nghiệp (bơm nước cấp 2)". Hiện Ủy ban nhân dân xã T tạm thời chưa cho ý kiến là có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất hiện hai bên đang tranh chấp.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng T, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có diện tích 68,8m$^2$ trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 tương ứng đất thủy lợi, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/4/2024, bà Nguyễn Thị Hồng T kháng cáo yêu cầu xác minh thêm chứng cứ để chứng minh đường nước đã có và phục hồi hiện trạng ban đầu như trước khi bà T1 san lấp. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

- Ngày 04/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự có Quyết định kháng nghị số 69/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, Luật sư đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T; chấp nhận Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự; hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, về việc tranh chấp quyền tưới, tiêu qua bất động sản liền kề, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Bà T kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Đại diện Ủy ban nhân dân xã T có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp nên chấp nhận. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Theo bà T trình bày, bà đang sử dụng đường nước tưới tiêu để canh tác diện tích đất 12.000m$^2$, đường nước 04m x 34m đi ngang qua đất của bà T1 dẫn nước thoát ra kênh sườn. Ngày 18/12/2020, bà T1 san lấp đường nước không cho bà T sử dụng bơm nước. Nay yêu cầu bà T1 khôi phục lại đường nước để bà T thuận tiện canh tác. Bà T1 cho rằng nguồn gốc đất là của bà được Nhà nước cấp, nay bà T yêu cầu khôi phục lại đường nước thì đất của bà T1 sẽ bị cắt thành hai phần nên bà T1 không đồng ý.

Nhận thấy diện tích đất đường nước là 68,8m$^2$, tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Bà T1 cho rằng trước đây bà T xin sử dụng cái bào lạn để bơm nước canh tác lúa, nhưng đây là phần đất của bà T1 nên bà san lấp cái bào này để canh tác lúa.

Tại Công văn 931/UBND-HC ngày 14/6/2023 của UBND huyện H, tỉnh Đồng Tháp ý kiến như sau: Thửa số 1 diện tích 68,8m$^2$ tờ bản đồ số 31 tại xã T, theo bản đồ địa chính là đất thủy lợi, hình thành năm 1975, không được xem xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về quản lý và khai thác quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, phần đất thủy lợi nêu trên do UBND xã T quản lý. Đồng thời theo Công văn số 1382/UBND-HC ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H, ý kiến: *Việc xem xét xử lý hành vi san lấp đất đường nước (thủy lợi) đối với diện tích 68,8m$^2$, thuộc thẩm*

*quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Việc tưới tiêu cho khu vực đất, trong đó có đất của bà Nguyễn Thị Hồng T sử dụng trồng lúa nằm trong diện tích kế hoạch xuống giống phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.*

Xét Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu về khôi phục lại đường nước canh tác lúa là vi phạm thẩm quyền. Vì theo công văn của Ủy ban nhân dân Huyện xác định diện tích 68,8m$^2$ tờ bản đồ số 31 tại xã T, theo bản đồ địa chính là đất thủy lợi, hình thành năm 1975, không được xem xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Đất do Ủy ban nhân dân xã T 2 quản lý và hành vi của bà T1 là vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nhận thấy do quá trình giải quyết vụ án thì Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản ý kiến nhưng chưa xác định rõ thẩm quyền giải quyết xử lý việc san lấp đường nước, nay Ủy ban nhân dân huyện H có Công văn số 1382/UBND-HC ngày 20/8/2024 đã nêu ý kiến về thẩm quyền xem xét giải quyết sự việc nói trên là của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nên hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Việc hủy bản án sơ thẩm trong trường hợp này là do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, do phát sinh tình tiết mới, khách quan không thuộc lỗi của Thẩm phán Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T; chấp nhận Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự; hủy bản án sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự; chấp nhận kháng cáo của bà T; hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền tưới, tiêu qua bất động sản liền kề giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng T, bị đơn Nguyễn Thị T1.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 69/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/4/2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng T.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền tưới, tiêu qua bất động sản liền kề giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng T, bị đơn Nguyễn Thị T1 và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu số tiền 1.692.000đ (Bà T đã tạm ứng và chi xong)

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0004237 ngày 17/01/2023 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0004726 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vạng**